

ĐÌNH LÀNG VÀ TÍN NGƯỠNG THỜ THÀNH HOÀNG Ở LÀNG VỊ HOÀNG (VỊ XUYÊN), NAM ĐỊNH TRƯỚC NĂM 1945

TRẦN THỊ THÁI HÀ*

Vị Hoàng vốn là một làng cổ, nằm cạnh hành cung của nhà Trần - hành cung Thiên Trường. Trong lịch sử, với bao biến cố thăng trầm cùng với quá trình đô thị hoá diễn ra ở đây khá sớm, khoảng thế kỉ XVI-XVII, gắn liền với sự hình thành của đô thị cổ Vị Hoàng - tiền thân của thành Nam rồi Nam Định sau này. Tuy nhiên, giống như nhiều đô thị khác của Việt Nam thời trung đại, đô thị Vị Hoàng cũng chịu sự chi phối và ảnh hưởng nặng nề những phong tục, tập quán của một cộng đồng cư dân có nguồn gốc nông nghiệp.

Dựa trên thư tịch cổ, nguồn tư liệu thành văn, tư liệu thu thập được trong quá trình điền dã ở địa phương, trong bài viết này, chúng tôi muốn phục dựng lại vài nét khái quát về một ngôi đình - vốn là trung tâm sinh hoạt tín ngưỡng, văn hoá khi xưa của người dân Vị Hoàng và tín ngưỡng thờ thành hoàng ở đây. Qua đó, giúp người đọc có thêm những thông tin về cơ sở hình thành cũng như quá trình phát triển của đô thị Vị Hoàng trong lịch sử.

1. Vài nét về ngôi đình của làng Vị Hoàng

Vào đầu thế kỉ XIX, Vị Hoàng là một trong tám xã thuộc tổng Đông Triền, huyện Mĩ Lộc, phủ Thiên Trường, trấn Sơn Nam Hạ⁽¹⁾. Năm 1865, để tránh phạm húy với tổ nhà Nguyễn là Nguyễn Hoàng, vua Tự Đức đã đổi tên Vị Hoàng thành Vị Xuyên. Tuy nhiên, trong tâm thức những người dân địa phương, Vị Hoàng vẫn là tên gọi thân thiết, ăn sâu trong nếp nghĩ của nhiều thế hệ và được sử dụng rộng rãi trong dân gian, mặc dù trên văn bản, giấy tờ hành chính, xã đã mang tên là Vị Xuyên.

Hiện nay, xã Vị Hoàng hay xã Vị Xuyên không còn hiện diện trên bản đồ hành chính của Nam Định. Toàn bộ 5 thôn trước kia của xã (nhân dân địa phương thường gọi là làng) Vị Hoàng như: Thi Thượng, Thi Hạ, Khoái Đồng, Hậu Đồng, Lộng Đồng đã trở thành các đơn vị hành chính như phường, xã, miền, phố... của thành phố Nam Định. Cái tên Vị Hoàng nay chỉ được dùng để đặt tên cho

* Ths. Trần Thị Thái Hà. Khoa Lịch sử - Trường ĐHSP Hà Nội

một phường, một khách sạn lớn và câu lạc bộ thơ của thành phố.

Trong thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1947, đình làng Vị Hoàng đã bị thực dân Pháp phá dỡ lấy gỗ, gạch để xây dựng đồn bốt. Đình không còn, dân làng đã rước bát hương ba vị thành hoàng của làng lên chùa Cả để gửi tạm. Sau này, khi hoà bình lập lại, nhân dân tu sửa ngôi miếu Đình và rước bát hương thờ thần từ chùa Cả về đặt ở đây.

Đình Vị Hoàng có tên chữ là “Thanh Đình” - có nghĩa là “nơi trong sạch”, tương truyền là do vua Tự Đức đặt khi Trần Bích San, người của làng Vị Hoàng thi đỗ Tam nguyên vào triều cận vua. Đình được xây dựng trên địa phận thôn Thi Thượng, được coi là thôn trù phú đông đúc nhất của làng. Nơi đây vừa có đình, chùa Cả, miếu, có bến sông, lại vừa có chợ Vị Hoàng một tháng họp 6 phiên, nhân dân qua lại đông vui tấp nập.

Theo tư liệu địa phương⁽²⁾, đình Vị Hoàng được khởi dựng từ thời Lý, trước khi có hành cung Thiên Trường. Trước kia đình nằm ở ven dòng sông Vị, vào khoảng năm Tự Đức thứ 10 (1857) thì đình được di dời vào giữa làng, ở khu Rừng Nứa (hay còn có tên gọi là Rừng Trúc). Năm Tự Đức thứ 36 (1883), đình được sửa sang và trùng tu lại. Tuy nhiên, hai tấm bia của đình Vị Hoàng⁽³⁾ lại cho những thông tin hết sức khác nhau về thời điểm xây dựng đình. Tấm bia thứ nhất là *Vị Hoàng xã đình bi kí* có niên đại Tự Đức năm thứ 15 (1862) cho biết : Vua Trần Thánh Tông về đây lập hành cung Thiên Trường, là một danh thắng ở tiên châu. Thời Gia

Long chuyển đến nơi này, *Minh Mệnh năm thứ 14 (1833)* mới bắt đầu dựng đình, khung cảnh tráng lệ, nguy nga.

Tấm bia thứ hai là *Trùng tu Thanh Đình bi kí* được lập năm Tự Đức thứ 32 (1879) đưa ra mốc thời gian hoàn toàn khác : đình *được xây từ thời Gia Long*, nay đã cũ, việc sửa chữa tu bổ do vị Tam nguyên Trần (chữ mờ, không rõ tên) khởi xướng. Người soạn văn bia là Long Xuyên tú tài Nguyễn Bá Thanh.

Qua nội dung hai tấm bia của đình cũng như dựa vào nguồn tư liệu điền dã, cho phép đi đến một giả thiết : Đình Vị Hoàng có chức năng như ngôi nhà công cộng của cả làng trên các mặt hành chính, tín ngưỡng và văn hoá có thể được ra đời từ thời Lê, tuy nhiên ban đầu đó có thể chỉ là công trình kiến trúc đơn giản, dạng tranh tre, nứa lá. Sang thời Nguyễn (Minh Mạng năm thứ 14, 1833), ngôi đình được xây dựng lại nguy nga, bề thế hơn. ý tưởng thiết kế ngôi đình là của Nguyễn Văn Thanh, người làng Vị Hoàng. Ông đã tận dụng nền kiến trúc dân tộc cổ truyền nhưng có sự sáng tạo trong cách bố trí, tạo nên một công trình hài hoà với cảnh quan xung quanh⁽⁴⁾. Ngôi đình đã trải qua đợt trùng tu lớn, quy mô vào cuối thế kỉ XIX. Đợt trùng tu này kéo dài trong 3 năm, từ 1880 đến năm 1883. Đây có thể là lần trùng tu cuối cùng bởi chưa có tài liệu nào đưa ra mốc thời gian muộn hơn. Trong lần trùng tu này, đình được xây bằng gạch, mái đình cong cong, lợp bằng ngói cổ, trên nóc có đắp nổi hai con rồng châu mặt nguyệt.

Về quy mô của ngôi đình, những ghi

chép trong cuốn *Xã chí* thống nhất với tư liệu điền dã. Theo đó, đình Vị Hoàng rộng 7 gian (5 gian 2 chái), có thêm cao. Từ dưới sân bước lên thêm đình là một bậc tam cấp được ghép bằng những phiến đá tảng to, rộng, mặt nhẵn phẳng lì, chạy dài suốt bề ngang bảy gian của ngôi đình.

Đình được bài trí khá đặc biệt so với các ngôi đình khác ở Bắc Bộ. Nếu như trong phần lớn các ngôi đình Việt, thành hoàng là vị thần linh duy nhất ngự trị ở đình thì ở đình Vị Hoàng, ngoài ban thờ thành hoàng còn có không gian dành cho các giáp. Gian chính giữa là nơi thờ thần, còn bốn gian kế hai bên là chỗ thờ gia tiên (thờ hậu) của bà con tứ giáp. Toàn bộ cánh cửa năm gian giữa đều được làm bằng gỗ lim, trạm trổ hình rồng, phượng, lá, hoa cúc, trúc, mai, lan và làng chỉ mở vào những kì tế lễ.

Ở hai gian chái đầu hồi là những bức tường xây kín. Tuy nhiên để cho thoáng gió và lấy ánh sáng, người xưa đã bố trí những cửa sổ hình tròn chữ thọ. Hai gian này được dùng làm nơi để kiệu, tàn, tán, cờ, quạt. Trước kia, trong đình làng Vị Hoàng có một cỗ kiệu bát cống và hai cỗ hậu bành cỗ⁽⁵⁾.

Đỡ mái đình to, nặng là những chiếc cột gỗ một người ôm không xuể được kê trên những chân tảng bằng đá. Bên ngoài tường ở hai gian chái đầu đình đắp nổi hai bức tượng hộ pháp mặc áo giáp, đội mũ, đi hia, tay cầm long đao đứng gác cửa đình.

Bên trong đình là những cỗ ngai thờ, những chiếc án nhang, cửa võng được chạm trổ tinh xảo. Trong đình có đôi hạc bằng gỗ rất to, cao bằng một người đứng

với tay mới tới. Trên nhang án là những chiếc lọ hoa, mùa nào thức ấy, khi thì cắm hoa sen, khi cắm hoa huệ. Những chiếc bát hương to bằng đá, bằng sứ, cùng bộ tam, ngũ, thất sự bằng đồng luôn được đánh bóng sáng loáng. Ngoài ra còn có ống hương, chân đèn, mâm bông, và cả gương thần đặt trên giá. Hai bên nhang án là những thanh bát bửu, lỗ bộ đều làm bằng gỗ sơn son thếp vàng. Treo ở trong đình còn có những chiếc màn thờ, những chiếc nghi môn bằng vải, lụa, nhiễu, sa tanh đủ màu vàng, đỏ, xanh thêu rồng, phượng bằng chỉ kim tuyến óng ánh.

Trên nền đình là những chiếc bục được xây bằng gạch hoặc những chiếc sập bằng gỗ lim, gỗ gụ chạm trổ đẹp mắt. Mỗi khi làng có việc, khu vực này được trải chiếu cạp điều để các quan viên ngôi thứ trong làng, đàn anh trong xã ngồi họp, bàn bạc việc làng; hoặc ngồi ăn cỗ, đánh tổ tôm, nghe hát ả đào trong những ngày làng mở hội.

Góp phần làm cho ngôi đình thêm vẻ trang nghiêm là những câu đối. Theo lời kể của các cụ cao tuổi, trước đây trong đình có nhiều câu đối thờ nhưng dần dần đã bị thất lạc. Duy chỉ có đôi câu đối thờ một vị trong số ba vị thành hoàng của làng (đức Đệ Tam) là còn lưu lại trong trí nhớ của người dân :

“Thập bát niên, kiểm mã tung hoành, nhất phiến đan tâm phù Lý đình

Thất thập xã linh hương sùng bái, thiên thu hiệu khí hợp thiên linh”

Tạm dịch:

Mười tám năm, kiểm ngựa ngang dọc

vẩy vừng, một tấm lòng son, nguyện chỉ tôn thờ nhà Lý

Bảy mươi xã tôn sùng, khói hương thờ cúng, nghìn năm khí thiêng tụ lại cõi trời linh.

Phía trước đình là một khoảng sân rộng, lát bằng gạch Bát Tràng cổ vuông vắn, dày dặn, kích thước khoảng 50x50. Trên sân đình đặt những con rùa đá để cấm lợn, cấm biển, cấm cờ, tán, tàn trong những ngày làng vào hội. ở hai bên tả hữu sân đình là hai dãy nhà Giải Vãn và Giải Vũ. ở phía đầu hồi hai dãy nhà này từ phía cổng đi vào là gác chuông và gác khánh.

Ở mép ngoài của sân đình là một chiếc lò hương được dùng để đốt sớ, hoá vàng. Sát bên ngoài sân đình là thửa ruộng bàn cờ rộng khoảng 1 sào. Đây là một thửa ruộng vuông ở ngay trong khuôn viên của đình, xung quanh có đường đi lát bằng gạch. Một phần vì nó có hình dạng vuông vắn, phần vì đây là nơi tổ chức đánh cờ người khi làng vào đám nên người ta gọi là “thửa ruộng bàn cờ”. Vào hai vụ chiêm, mùa, dân làng trồng cấy ở đây lúa nếp, lúa tẻ để làm lễ tế thần.

Ở phía bên ngoài thửa ruộng bàn cờ là cổng Tam quan có ba lối đi vào khu đình, ngăn ra bằng sáu cái cột trụ bằng gạch xây, mỗi cái cột này cao trên dưới 10 mét. Hai cột cao nhất ở vị trí chính giữa đứng hai bên tạo thành cổng giữa, là lối chính đi vào sân đình. Trên đỉnh hai cột này có đặt hai con nghê bằng sứ men xanh của Tàu, châu đầu vào giữa cổng. Nối hai cột cổng ở giữa với hai cột kề bên là 2 bức tường xây thấp, đắp nổi hình con voi trong tư thế quỳ, đầu chầu vào cổng giữa. Hai

cột ngoài cùng, cùng với hai cột kề ở bên trong tạo thành hai cổng tả hữu của đình. Nếu đứng ở bên trong nhìn ra, thì cổng bên phải là lối đi vào ngôi miếu đình và nhà Mộc dục, còn cổng bên trái là lối đi vào khu vườn đình.

Qua Tam quan, muốn vào đình còn phải đi qua một tấm bình phong bằng gạch. Mặt ngoài của bình phong đắp nổi một con long mã, lưng đang mang hòm sắc buộc bằng một giải lụa đào.

Nằm trong cùng quần thể đình làng, hơi lui về phía sau và ở bên phải của đình về hướng Đông Bắc là ngôi miếu Đình, hay có người còn gọi là đền Vị Xuyên. Miếu rộng khoảng 50 m², nằm trên một khoảnh đất rộng chừng một sào. Đây là một công trình kiến trúc cổ, một di tích của làng còn lại đến nay. Miếu được xây theo kiểu chuỗi vồ. Tiền đường 3 gian, hậu cung dài 2 gian, rộng 3 gian. Ba gian tiền đường tương đối nhỏ, không bố trí ban thờ. ở hai bên chái miếu, về phía trước mặt có hai pho tượng đá cổ, cao to hơn người thật, đều đội mũ, đi hia. Một bên là vị quan văn tay cầm bút, tay cầm sớ; bên kia là vị quan võ, tay đặt lên đốc kiếm giắt ở đai lưng. Bên cạnh miếu là nhà Mộc dục và một cái giếng khơi. Hàng năm cứ vào những ngày Tết hay kì tế lễ thì dân làng lấy nước từ giếng này để rửa kiệu, ngai thờ và những đồ thờ tự.

Bên phải ngôi đình, đầu dãy nhà Giải Vãn là gác chuông có treo một chiếc chuông đồng. Chiếc chuông này theo như lời kể của người dân địa phương thì đã bị giặc Pháp lấy mang đi từ hồi chúng chiếm đóng. Còn ở phía bên trái, đầu dãy nhà

Giải Vù là gác treo chiếc khánh đá. Tương truyền chiếc khánh này do cụ Trần Bích San là người làng đổ Tam nguyên thời Tự Đức đã cúng tiến vào đình. Vào thời kì kháng chiến chống Pháp, dân làng đã đưa chiếc khánh đá lên để ở chùa Cả.

Bao bọc xung quanh đình là bức tường hoa, ở phía bên ngoài khu đình làng, trước mặt cổng đình là một con đường đi ngang qua, lát bằng những phiến đá tảng. Phía trước cổng đình là một cột cờ có bệ bằng đá, chiếu thẳng ngay vào lối đi chính vào đình. Đây là bệ của cột trung đình kéo lên lá cờ đại của làng khi vào đám, cùng với những lá cờ của tứ giáp. Lá cờ của làng mang hai chữ "Thanh Đình".

Tiếp đó, về phía ngoài của đình là thửa ruộng Tịch điền rộng độ vài ba sào, là nơi hàng năm chúc dịch của làng tiến hành nghi lễ cày Tịch điền với ý nghĩa cầu mong mùa màng tốt tươi, mưa thuận gió hoà và khuyến khích việc nông tang.

Giống như nhiều ngôi đình khác của làng quê Việt Nam xưa, đình Vị Hoàng tọa lạc trên thế đất cao ráo, quang cảnh thiên nhiên đẹp, có cây xanh, bóng mát, tạo ra không gian trầm mặc, trang nghiêm nhưng cũng hết sức bình dị, gần gũi, với cuộc sống của người dân làng quê. Không những thế, đình còn tuân thủ theo nguyên tắc phong thủy chặt chẽ. Với quan niệm "tụ thủy"- nghĩa là "tụ linh, tụ phúc" nên ở phía trước đình, bên ngoài thửa ruộng Tịch điền là một hồ nước hình bán nguyệt rộng khoảng 4-5 sào, xung quanh có tường hoa bao bọc. Trong hồ, tùy theo mùa mà làng thả sen, thả cá. Ven hồ có những bậc đá để tiện cho mọi người lên,

xuống rửa chân tay sạch sẽ trước khi vào lễ trong đình.

Ở phía bên ngoài của hồ, vẫn ở trước mặt ngôi đình là con đường cái đi ngang, tức là phố chợ Vị Hoàng xưa (nay là đường Hùng Vương). Cột cờ của bốn giáp làng Vị Hoàng nằm ở khu vực này. Mỗi khi làng vào đám, bốn giáp kéo lên bốn lá cờ hình vuông, to gần bằng lá cờ đại của làng. Cờ của giáp mang một hàng hai chữ to : "Nhất Bắc" hay "Nhì Bắc", hoặc "Nhất Nam" hay "Nhì Nam" là tên bốn giáp của làng. Những chiếc cột này được làm bằng gỗ lim, cao khoảng chục thước, đứng thẳng một hàng. Khi làng mở hội, cờ của giáp nào kéo lên trước tiên thì được giải thưởng của làng. Dân của giáp thắng cuộc thường đốt pháo ăn mừng vì họ tin rằng năm ấy người của giáp sẽ làm ăn thịnh vượng, cày cấy được mùa, buôn bán phát tài, cuộc sống no ấm.

Mặc dù tư liệu còn nghèo nàn nhưng cho phép có những hình dung khái quát về vị trí, quy mô và cảnh quan đình Vị Hoàng. Đó là một ngôi đình vào loại bề thế, được xây dựng trên một khuôn viên rộng, tách biệt với các khu vực sinh hoạt khác của xóm làng bằng bức tường hoa bao bọc xung quanh. Nơi đây, hàng năm là nơi hội họp của dân làng sống ở bốn giáp. Những cuộc thi cổ, thi múa cờ, thi võ, thi đánh cờ người, thi khoa sinh để chọn người dự kì thi Hương ... thể hiện tinh thần thượng võ, yêu lao động, đề cao trí tuệ, khuyến khích sản xuất nông nghiệp đã diễn ra ở đây, tương xứng với một làng có nhiều bậc danh nho. Quy mô của ngôi đình cũng như những hoạt động

lễ hội phong phú gắn liền với đời sống tinh thần của người dân là sự phản ánh chân thực đời sống vật chất khá sung túc của dân làng Vị Hoàng dựa trên cơ sở một nền kinh tế nông nghiệp truyền thống kết hợp với các nghề thủ công và hoạt động thương mại sôi nổi trên phố chợ Vị Hoàng.

2. Tín ngưỡng thờ Thành hoàng của làng Vị Hoàng

Giống như bao làng Việt khác, làng Vị Hoàng cũng thờ Thành hoàng như người cai quản, ban phúc lành và trừ họa cho dân làng. Điểm khác biệt duy nhất ở đây là các vị thành hoàng của làng được thờ cả ở miếu Đình và cả ở đình làng. *Thần tích*⁽⁶⁾ của làng ghi rõ: “Làng thờ các vị ở miếu bằng bài vị, mũ, áo, đai, hia đủ cả. Khi vào đám thì rước bát hương lên đình”.

Làng Vị Hoàng thờ ba vị: Cao Mang Đại vương, Thạc Thần Đại vương và Đông Hải Đoàn Đại vương. Cũng theo bản *Thần tích*⁽⁷⁾ thì: “Vị thứ nhất và vị thứ hai là thiên thần, vị thứ ba là nhân thần. Do hai vị thần đầu tiên là thiên thần nên không có sự tích, chỉ vị thứ ba là có lai lịch rõ ràng”.

Vị thần được thờ thứ nhất là Cao Mang Đại vương, hay dân làng quen gọi là “Đức đệ nhất”, “Đệ nhất vị” được phong là *Ngưng Hậu chi thần vị tiên*. Bát hương thờ ông được đặt ở chính giữa ban thờ trong cung ngôi miếu Đình hiện nay. Mặc dù trong bản thần tích của làng không ghi rõ lai lịch của vị thần này, nhưng đây là một nhân vật được rất nhiều làng xã thuộc tỉnh Nam Định thờ phụng. Tương truyền ông là một gia tướng của Hưng

Đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn, có nhiều công lao trong cuộc kháng chiến chống quân Mông Nguyên thế kỉ XIII. Cuốn Ngọc phả *Cao Mang Đại vương công thần tướng thời Trần* hiện còn lưu giữ tại đình Đồng Mai (xã Mĩ Thắng, huyện Mĩ Lộc, tỉnh Nam Định) ghi rõ: Cao Mang sinh ngày 15 tháng 2 năm Kỉ Dậu (1248) là con ông Lư Thuỷ Châu và bà Hàn Thị Xuân, quê ở xã Cự Xá, huyện Đông Triều, Quảng Ninh. Ngay từ năm lên 6 tuổi, Lư Cao Mang đã được cha mẹ cho đi học nên sớm trưởng thành, là một người văn võ toàn tài. Năm lên 18 tuổi, ông được quan phủ Trần Thì Kiến tiến cử vào chức Chu Tào Tuỳ vận sứ, sau đó ông được Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn chọn làm tuỳ tướng hầu cận. Năm 1269 ông cùng Lê Đà, Đinh Cung Viên sang nước Nguyên bàn việc biên giới. Ông còn chỉ huy bảo vệ các đoàn sứ bộ sang Nguyên vào các năm 1272, 1275. Cả ba lần sang Nguyên ông đều bảo vệ an toàn cho sứ bộ. Ngoài ra, Lư Cao Mang còn giúp Chiêu Văn Vương Trần Nhật Duật lên đạo Đà Giang để dẹp nội loạn và giúp Trần Thì Kiến giữ gìn bình an ở phủ Thiên Trường. Năm Tân Tỵ (1281) ông lấy vợ là bà Lê Thị Thuý người xã Như Thức (xã Mĩ Thắng, huyện Mĩ Lộc, tỉnh Nam Định).

Trong cuộc kháng chiến chống quân Mông Nguyên lần thứ ba, Lư Cao Mang trực tiếp điều quân tại Yên Hưng, tổ chức phản công địch và giành nhiều thắng lợi. Ông còn cùng Trần Địa Lô, Nguyễn Chế Nghĩa dưới sự chỉ huy của Phạm Ngũ Lão đánh giặc ở Bạch Đằng, trấn trị các vùng xung yếu.

Trong thời gian làm quan và sinh sống tại phủ Thiên Trường, Lư Cao Mang có nhiều đóng góp với vương triều Trần, với nhân dân địa phương. Ông khuyến khích dân các làng Đồng Mai, Như Thúc (xã Mỹ Thắng, huyện Mỹ Lộc, Nam Định) phát triển sản xuất, làm thủy lợi, tạo điều kiện cho dân xây đền, chùa nhằm giữ gìn thuần phong mỹ tục nơi làng quê. Sau khi ông mất, nhân dân địa phương đã lập đền tại khu tư dinh cũ của gia đình ông trên đất của làng Đồng Mai để thờ phụng⁽⁸⁾.

Ngọc phả đình Đồng Mai đã cho biết những thông tin khá rõ về thân thế và sự nghiệp của Lư Cao Mang. Hàng năm, tại đình Đồng Mai diễn ra lễ hội vào ngày 15 tháng 2 và 12 tháng Chạp âm lịch để kỉ niệm ngày sinh và ngày mất của Lư Cao Mang. Trong khi đó, ở đình Vị Hoàng, ngày mùng 10 tháng 4 âm lịch được coi là ngày mất của ông và hằng năm dân làng Vị Hoàng mở hội làng vào chính dịp này.

Vị Thần thứ hai là Thạc Thần Đại vương, hay còn gọi là Đức đệ nhị, Đệ nhị vị, được phong là *Trùng Minh Đôn Ngưng chi thần vị tiên*. Theo cụ Trần Quát, người sống ở làng từ đầu thế kỉ trước⁽⁹⁾ thì Thạc Thần Đại vương là một vị tướng thời Lý, đã từng cùng Lý Thường Kiệt phò vua đánh giặc Tống. Theo nguồn tư liệu Hán Nôm hiện lưu ở Thư viện Viện nghiên cứu Hán Nôm thì Thạc Thần Đại vương còn được thờ ở xã Thanh Hà, huyện Lang Tài, tổng An Trú, tỉnh Bắc Ninh và xã Cáp Nhất, tổng Cáp Nhất, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Bản thần tích của xã Thanh Hà cho biết, Thạc Thần Đại vương hay Thạc Thần Hộ Quốc Đại vương chính

là Hoàng Công, một trong số 7 công thần thời Lê Đại Hành. Thông tin về vị Thần này quá ít ỏi nên không biết chính xác ngày sinh cũng như ngày mất. Hiện bát hương thờ Ngài được đặt ở bên phải trong ban thờ của ngôi miếu Đình Vị Hoàng (nếu đứng từ ngoài nhìn vào).

Vị Thần thứ ba là Đông Hải Đoàn Đại vương, mà dân làng quen gọi một cách thành kính là Đức đệ tam được phong *Trác Vĩ Thượng đẳng thần vị tiên*. Bát hương thờ vị Thần này được đặt ở bên trái ban thờ trong miếu Đình. Tương truyền, Đông Hải Đoàn Đại vương mất vào ngày 10 tháng Chạp năm Mậu Tý (dầu năm 1229).

Theo *Thần tích* của làng thì “Đông Hải Đoàn Đại vương là bấy tôi của nhà Lý, có công trung thành với nhà Lý chống lại nhà Trần”⁽¹⁰⁾, “khi Ngài còn sống, làng không thờ sống ngài” và “tục truyền có 72 làng xã thờ, nhưng làng (Vị Hoàng - tg) không giao hiếu với làng nào cả”, “đồng thời có ông Nguyễn Nộn chống với ngài”⁽¹¹⁾. Căn cứ vào những thông tin từ bản *Thần tích*, có thể xác định vị Thần thứ ba được dân làng thờ phụng không ai khác chính là Đoàn Thượng, một trong những thế lực mạnh nổi lên chống lại nhà Trần đầu thế kỉ XIII.

Nếu bản *Thần tích* của làng chỉ nêu vài dòng sơ lược về Đông Hải Đoàn Đại vương thì *Xã chí* của làng Hành Thiện, nay là xã Xuân Hồng huyện Xuân Trường tỉnh Nam Định lại có những thông tin cụ thể hơn về nhân vật này. Làng Hành Thiện cũng thờ Đông Hải Đoàn Đại vương làm Thành hoàng và cuốn *Xã chí* được viết dựa trên bi kí của Tuần phủ Đặng Xuân Bảng

viết năm Tự Đức thứ 25 (1872) thì Đức Đông Hải Đoàn Đại vương huý là Đoàn Thượng, làm quan thời Lý Huệ Tông. Sau nhà Lý bị nhà Trần cướp ngôi, ngài khởi nghĩa chống lại nhà Trần, nhưng bị thua, tử trận, được phong là Phúc thần.

Một nguồn tài liệu khác là *Đông Hải Đại vương Thượng đẳng tối linh thần tích*⁽¹²⁾ cho biết : Quê của Đoàn Đại vương ở làng Thung Đô, huyện Gia Lộc, Hải Dương ngày nay. Thân phụ của ngài là Đoàn Trung, một hào trưởng có thế lực trong vùng và thân mẫu là Lý Thị, một người có quan hệ họ hàng với hoàng tộc đương triều. Ngài sinh ngày 12 tháng 8 năm Trinh Phù thứ 6 đời Lý Cao Tông. Hai câu trong tài liệu này : *Mười tám trận hùng uy, võ công lừng lẫy. Hai mươi mốt năm sự nghiệp, tình nghĩa vẹn tròn* đã tóm tắt sự nghiệp của một vị danh tướng thời Lý vào giai đoạn mật kì có nội dung tương tự như đôi câu đối ở đình làng Vị Hoàng thuở xưa : “*Mười tám năm, kiếm*

ngựa ngang dọc vẫy vùng, một tấm lòng son nguyện chỉ tôn thờ nhà Lý. Bảy mươi xã, tôn sùng khói hương thờ cúng, nghìn năm khí thiêng tụ lại cõi linh thiêng .

Cuốn *Ngọc phả* ở đền Thọ Vực, xã Xuân Phong, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định do Hàn lâm viện Đông các Đại học sĩ Nguyễn Bính biên soạn năm Vĩnh Hựu thứ 5 (Kỉ Mùi, 1739)⁽¹³⁾ cho biết: Đoàn Thượng Đông Hải Đại vương quê ở Hồng Thị, phủ Hồng Châu, đạo Hải Dương. Ông làm quan thời Lý, chức vị Đại tư đồ Bình chương, kiểm soát, bình giới Đại tướng quân, Đông chinh, Tây thảo, lập được nhiều chiến công. Sau đó ông được nhà vua cho làm Đô đốc quan Thượng tướng quân ở đạo Sơn Nam. Khi về đạo Sơn Nam, ông hỏi han dân tình, dạy dân canh tác, trong vòng mấy năm khắp nơi trong đạo đều đầy đủ, giàu có. Nhà vua thấy vậy lại vời ông về triều cùng bàn chính sự.

Để ghi công trạng một vị tướng tài có

Bảng 1

Vua	Âm lịch	Dương lịch	Nhân dịp
Lê Hiến Tông	Cảnh Hưng năm thứ 14	1784	Con trai là Duy Kỳ được phong vương
Nguyễn Quang Toản	Cảnh Thịnh năm thứ 1	1802	Nguyễn Quang Toản lên ngôi
Tự Đức	Tự Đức năm thứ 6	1852	Mùng thọ
Thành Thái	24-11 – Kỉ Sửu	1889	Thành Thái lên ngôi
Duy Tân	1-8- Đinh Mùi	1909	Duy Tân lên ngôi
Khải Định	Khải Định năm thứ 2, 18-3- Đinh Tị	1917	Khải Định lên ngôi
Khải Định	Khải Định năm thứ 9, 25-7 – Giáp Tý	1924	Tứ tuần đại khánh, mừng thọ 40 tuổi.

nhiều cống hiến với nước với dân, 6 đời vua các triều đại sau đã sắc phong cho Ngài⁽¹⁴⁾(xem Bảng 1):

Là một làng cổ nằm liền kề trung tâm của hành cung Thiên Trường thuở trước, nơi in đậm dấu ấn của nhà Trần cũng như được hưởng nhiều đặc ân từ vương triều Trần, nhưng vì lí do gì người dân Vị Hoàng lại chọn làm Thành hoàng làng một nhân vật từng chống đối ác liệt với triều Trần, khiến chính quyền nhà Trần trong buổi đầu trỗi nước phải dùng mọi phương cách để đánh dẹp là một vấn đề cần làm sáng tỏ. Hơn thế, dân làng còn đặt bát hương của Đoàn Thượng cạnh bát hương của Lư Cao Mang – vị tướng được coi là có công lớn với nhà Trần trong kháng chiến chống ngoại xâm cũng như dựng xây đất nước. Hai con người hết lòng phò tá cho hai dòng họ, hai vương triều khác nhau. Tuy nhiên, nếu một người kiên quyết thà hi sinh tính mạng để chống lại sự tiếm quyền của một dòng họ, thì người kia lại sẵn sàng xả thân để bảo vệ quyền lực của dòng họ đó.

Câu trả lời ở đây có lẽ là do nhân dân đánh giá cao sự trung thành cùng những chiến công của cả hai vị thần (tướng võ) sẵn sàng xả thân vì vua, vì vương triều phong kiến. Bên cạnh đó, dân gian không quên ghi nhận công lao của các vị với vùng đất Thiên Trường – Sơn Nam - Vị Xuyên. Chính bởi vậy, sau khi mất, cả hai người đều được nhân dân sùng kính, tôn thờ, lựa chọn làm Thành hoàng. Cứ như thế, họ đã song hành phù trợ cho cuộc sống của dân làng từ bao đời nay.

Ngoài 3 vị thành hoàng có tên ở bản

thần tích của làng, thì trong một số tài liệu thu thập từ quá trình điền dã cho thấy còn có sự hiện diện của vị thành hoàng thứ tư. Vị thần này hiện được thờ ở đình thôn Lộng Đồng, xã Lộc An, ngoại thành thành phố Nam Định (trước kia Lộng Đồng là một thôn xa nhất của làng Vị Hoàng). Nhân dân địa phương cho rằng, bát hương thứ tư thờ Đức Đệ tứ - Thái Bảo Đoàn Quận công, Đức Bảo Trung Hưng linh phù tôn thần, Đoàn Túc Tôn thần vị tiền. Đây là một văn thần, từng được vua phong chức Thái Bảo quận công. Kỵ của Đức Đệ tứ vào ngày mùng 2 tháng Giêng âm lịch.

Về vị thần hoàng thứ tư có rất nhiều vấn đề cần làm sáng tỏ. Thứ nhất, đó là tại sao trong bản thần tích của làng không hề có tên vị thần này. Thứ hai, tên tuổi của vị thần này cũng không hề liên quan đến sắc phong nào được liệt kê trong tài liệu. Thứ ba, xuất xứ, lai lịch, thân thế của vị thần này có nhiều dị bản. Có người thì cho rằng đây chính là con của Đông Hải Đoàn Đại vương. Giả thiết này cũng có cơ sở, vì tương truyền gia đình Đoàn Thượng Đại vương có thời gian sinh sống ở Vị Xuyên. Phu nhân của Đoàn Đại vương đã quan tâm, chăm lo đến dân làng, cùng gắn bó với dân trong cuộc sống, sinh hoạt và sản xuất. Trên đất làng Vị Hoàng xưa từng có ngôi miếu, gọi là miếu Bà do dân gian lập nên để thờ Đoàn phu nhân sau khi bà qua đời⁽¹⁵⁾.

Tuy nhiên, theo lời của ông Vũ Văn Thao - Thủ nhang đình Lộng Đồng thì vị Thần thứ tư được thờ chính là người làng Vị Hoàng đã tìm thấy con công quý bị

sống từ vườn thượng uyển của nhà Trần và để ban thưởng, vua Trần đã cho dân Vị Hoàng được khai khẩn, mở mang đất Lộng Đồng từ sông Cầu Gia đến đê Cốc, tổng cộng được 26 đôi⁽¹⁶⁾.

Do ngôi đình đã bị phá huỷ từ năm 1947, dân làng người còn người mất, những công trình kiến trúc tín ngưỡng, tôn giáo cổ của làng cũng không còn nhiều, hơn nữa làng Vị Hoàng trên thực tế không còn tồn tại nên việc khảo sát có hay không vị Thành hoàng thứ tư ở Vị Hoàng và xác định rõ ông là ai là điều không dễ. Chính bản thân những người già am hiểu và tâm huyết với công tác sưu tầm, lưu truyền lịch sử địa phương cũng băn khoăn và trăn trở với vấn đề này. Rất có thể, vị Thần này chỉ liên quan đến một bộ phận dân Vị Hoàng –là những người dân ở thôn Lộng Đồng mà thôi. Để tưởng nhớ và khắc ghi công đức của người đã tìm ra con công quý mà nhờ đó mới có thôn Lộng Đồng nên nhân dân đã coi là Phúc thần và phối thờ cùng tam vị Thành hoàng của làng. Đây là sự sáng tạo riêng của người dân Lộng Đồng, và vị Thần thứ tư này chỉ có ý nghĩa trong phạm vi thôn Lộng Đồng. Còn ở ngôi đình chung của cả làng, chính thức dân làng chỉ tôn thờ 3 vị Thành hoàng như đã nêu trong bản *Thần tích*.

Để duy trì nghi thức tế thần hàng năm, làng Vị Hoàng trích ra một phần ruộng mà hoa lợi từ đó dùng vào việc tế Thần. Diện tích phần ruộng này được ghi rõ trong bản Hương ước của làng. Tùy theo quy mô tổ chức và tầm quan trọng của ngày lễ mà số ruộng nhiều ít khác nhau, nhìn chung từ 0,5 mẫu đến 2 sào. Duy có

3 dịp : Kì đức Thánh ở đình vào mừng 10 tháng 4, Rằm tháng hai – Khánh lão và ngày 15 tháng 11- Đại tịch số ruộng để ra nhiều nhất là 2 mẫu.

Kết luận

1. Là một làng cổ, có lịch sử hình thành và phát triển lâu đời, đến đầu thế kỉ XX, Vị Hoàng đã bị cuốn vào vòng xoáy của quá trình đô thị hoá. Cùng với thời gian, sự tàn phá của thiên tai, sự huỷ hoại của giặc ngoại xâm mà những công trình kiến trúc lịch sử văn hoá của làng cũng dần bị mai một, trong số đó có những kiến trúc đã hoàn toàn mất hẳn như ngôi đình làng.

2. Đình Vị Hoàng trong thời gian tồn tại là một ngôi đình lớn, có khuôn viên rộng, thoáng mát và yên tĩnh, là nơi diễn ra các sinh hoạt lễ hội, văn hoá cộng đồng của người dân Vị Hoàng. Ngôi miếu Đình, hai tám bia, những con rùa đá, và đặc biệt 3 bát hương bằng đá còn lại cho đến nay là những chứng tích về sự khang trang của một ngôi đình làng cổ nằm trên đầu mối giao thông thuận lợi, có bến, có chợ và phố chợ Vị Hoàng.

3. Khát vọng được sống cuộc sống ấm no, thanh bình, hạnh phúc và luôn được chở che, bao bọc của dân làng Vị Hoàng được biểu hiện rõ qua tín ngưỡng thờ thành hoàng và sự chọn lựa các nhân vật làm phúc thần : Cả ba vị Thành hoàng dù là thiên thần hay nhân thần cũng đều là những võ tướng tài giỏi, tận trung với nước, với dân và ít nhiều họ đã gắn bó một phần cuộc đời mình với vùng đất Thiên Trường - Sơn Nam nói chung, Vị Hoàng nói riêng.